TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 63/2026/DS–ST Ngày: 23/6/2026 V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thùy Linh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận

Ông Trần Đức Hoà

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân khu vực 12 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2026/TLST-DS ngày 13/4/2026, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2026/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1979 (có mặt)

- Bị đơn: chị Trần Thị Đ, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: thôn D, xã T, Thành phố Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 06/4/2026 và quá trình thụ lý vụ án, tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Vào ngày 11/12/2022 (âm lịch) tức ngày 03/01/2023 dương lịch chị L có cho chị Trần Thị Đ vay số tiền 50.000.000đ, thỏa thuận vay có lãi, với mức là 3%/tháng, mỗi tháng chị Đ đóng lãi là 1.500.000đ/tháng/ số tiền gốc là 50.000.000đ, không có thời hạn. Quá trình thực hiện chị Đ trả lãi đến tháng 6/2024 âm lịch, sau đó không trả (tính đến tháng 6/2024 âm chị L đã nhận được từ chị Đ là 18 tháng tiền lãi thành tiền là

27.000.000đ, cũng tại thời điểm tháng 6/2024 chị L yêu cầu chị Đ trả gốc và lãi nhưng Được không trả nên đến ngày 11/01/2025 (âm lịch) thì 02 bên chốt lại làm giấy vay nợ mới, giấy cũ xé bỏ, giấy mới như đã nộp cho Tòa án, có nội dung chị Đ có vay của chị L là 60.000.000đ (trong đó là 50.000.000đ tiền gốc cũ và 10.000.000đ tiền lãi từ tháng 6/2024 đến ngày 11/01/2025); chị Đ tiếp tục trả lãi với mức lãi là 3%/tháng, mỗi tháng là 1.800.000đ, chị Đ đã trả lãi đến ngày 11/01/2026 âm lịch. Hiện nay qua lời khai chị Đ yêu cầu chị L tính lại tiền lãi theo quy định, dư lãi khấu trừ vào nợ gốc cho chị Đ, tại phiên toà chị L đồng ý, cụ thể số tiền gốc cho vay ngày 03/01/2023 là 50.000.000đ tính đến 03/7/2026 là 42 tháng, đồng ý mức lãi suất là 1,66%/tháng thành tiền là 34.860.000đ, tổng số tiền lãi chị L đã nhận từ chị Đ trong thời gian qua là 48.600.000đ (48.600.000đ – 34.860.000đ = 13.740.000đ) như vậy số tiền lãi vượt quá quy định mà chị L đã nhận là 13.740.000đ (50.000.000đ tiền gốc – 13.740.000đ = 36.260.000đ). Nay chị L yêu cầu chị Đ phải trả cho chị L số tiền là 36.260.000đ.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn chị Trần Thị Đ qua lời khai trình bày: Vào khoảng năm 2023 chị Đ có vay chị Nguyễn Thị Thùy L số tiền 50.000.000đ, thỏa thuận vay có lãi, với mức là 3%/tháng, mỗi tháng trả lãi là 1.500.000đ/tháng/ số tiền gốc là 50.000.000đ, không có thời hạn. Qúa trình thực hiện chị Đ trả lãi đến tháng 6/2024 âm lịch, sau đó không trả (tính đến tháng 6/2024 âm chị Đ đã là 18 tháng tiền lãi là 27.000.000đ; đến ngày 11/01/2025 (âm lịch) thì 02 bên chốt lại làm giấy vay nợ mới, giấy cũ xé bỏ, giấy mới như đã nộp cho tòa án, có nội dung chị Đ có vay của chị L là 60.000.000đ (trong đó là 50.000.000đ tiền gốc cũ và 10.000.000đ tiền lãi từ tháng 6/2024 đến ngày 11/01/2025); chị Đ tiếp tục trả lãi là 3%/tháng, mỗi tháng là 1.800.000đ; chị Đ đã trả lãi đến ngày 11/01/2026 âm lịch là 12 tháng với số tiền là 21.600.000đ. Chị Đ thừa nhận trong thời gian qua chị L có đòi nợ nhiều lần, chị L yêu cầu chị Đ trả cả gốc và lãi nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không trả được. Nay chị Đ yêu cầu tính lại tiền lãi trong suốt thời gian qua theo quy định, còn lại thì chị Đ sẽ thanh toán cho chị L.

Anh Vũ Văn H là chồng của chị Nguyễn Thị Thùy L qua lời khai trình bày: việc chị L cho chị Đ vay tiền anh H không biết, không liên quan gì đến anh H, đề nghị chị L và chị Đ tự giải quyết, anh H không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tài liệu chứng cứ giao nộp: nguyên đơn giao nộp như trong hồ sơ vụ án; ngoài ra nguyên đơn, bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Về nội dung căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa; căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn chị Trần Thị Đ trả cho chị L số tiền gốc là còn lại là 36.260.000đ (sau khi khấu trừ tiền lãi dư theo

mức quy định của pháp luật là 13.740.000đ).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L yêu cầu chị Trần Thị Đ trả khoản tiền vay còn lại là 36.260.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời khai các bên đương sự đều thống nhất về sự việc vào ngày 11/12/2022 (âm lịch) tức ngày 03/01/2023 dương lịch chị L có cho chị Trần Thị Đ vay số tiền 50.000.000đ, thỏa thuận vay có lãi, với mức là 3%/tháng, mỗi tháng chị Đ đóng lãi là 1.500.000đ/tháng/ số tiền gốc là 50.000.000đ, không có thời hạn. Qúa trình thực hiện chị Đ trả lãi đến tháng 6/2024 âm lịch, sau đó không trả (tính đến tháng 6/2024 âm chị L đã nhận được từ chị Đ là 18 tháng tiền lãi thành tiền là 27.000.000đ, cũng tại thời điểm tháng 6/2024 chị L yêu cầu chị Đ trả gốc và lãi nhưng Được không trả nên đến ngày 11/01/2025 (âm lịch) thì 02 bên chốt lại làm giấy vay nợ mới, giấy cũ xé bỏ, giấy mới có nội dung chị Đ có vay của chị L là 60.000.000đ (trong đó là 50.000.000đ tiền gốc cũ và 10.000.000đ tiền lãi từ tháng 6/2024 đến ngày 11/01/2025); chị Đ tiếp tục trả lãi với mức lãi là 3%/tháng, mỗi tháng là 1.800.000đ, chị Đ đã trả lãi đến ngày 11/01/2026 âm lịch. Hiện nay qua lời khai chị Đ yêu cầu chị L tính lại tiền lãi theo quy định, dư lãi khấu trừ vào nợ gốc cho chị Đ, tại phiên toà chị L đồng ý yêu cầu chị Đ trả số tiền gốc còn lại là 36.260.000đ, sau khi đã khấu trừ lãi vượt quá quy định.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là giấy viết tay ghi ngày 11/01/2025 (âm lịch) có chữ ký, chữ viết của chị Trần Thị Đ và lời khai của các bên đương sự; đối chiếu với quy định tại các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy L.

Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khu vực 12 - Đồng Nai, về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí: Buộc các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 91, 96, Điều 147, Điều 266 và Điều

273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Trần Thị Đ trả cho chị Nguyễn Thị Thùy L số tiền 36.260.000đ (Ba mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

2. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Đ nộp 1.813.000đ án phí DSST, hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thùy L số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 1.545.000đ, theo biên lai thu tiền số 0008303 ngày 13/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ.

3. Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án không tự giác thi hành, thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 466 và khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ.

Nơi nhận:
- TAND TP Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12;
- THADS TP Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (12).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LƯU THÙY LINH